

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT HOÀNG HÙNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT HOÀNG HÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110142550

3. Ngày thành lập: 06/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 16, LK6D khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0919801055

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết : - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như : + Thang máy, thang cuốn + Cửa cuốn, cửa tự động + Dây dẫn chống sét + Hệ thống hút bụi + Hệ thống âm thanh + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329(Chính)
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Bán buôn phụ kiện may mặc và giày dép	4669
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (loại trừ hợp báo)	8230
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết : Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 Luật Thương mại số 36/2005/QH11)	8299
10.	Đào tạo sơ cấp	8531
11.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết : Kinh doanh bất động sản (Điều 75 Luật đầu tư năm 2020, Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6810
12.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết : Kinh doanh bất động sản (Điều 75 Luật đầu tư năm 2020, Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820

13.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết : - Khảo sát xây dựng (ghi theo khoản 26 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp; Thiết kế cơ – điện công trình; Thiết kế cấp – thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Ghi theo khoản 8 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Giám sát công tác xây dựng bao gồm : Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình (Ghi theo khoản 9 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Lập quy hoạch xây dựng (ghi theo khoản 27 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Thiết kế xây dựng công trình (Ghi theo khoản 28 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý dự án (ghi theo khoản 30 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Giám sát thi công xây dựng (ghi theo khoản 33 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Kiểm định xây dựng (ghi theo khoản 34 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (ghi theo khoản 35 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP);	7110
14.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
	Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất	
15.	Cho thuê xe có động cơ	7710
16.	Bán buôn tổng hợp (Trừ nhà nước cấm)	4690
17.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
18.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
19.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
20.	Sản xuất giày, dép	1520
21.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết : Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
22.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm: Đấu giá bán lẻ qua internet)	4791

23.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động	4799
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
26.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
27.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
28.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm hoạt động trong quán bar, karaoke, vũ trường...)	5630
29.	Đại lý du lịch	7911
30.	Điều hành tua du lịch	7912
31.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Không bao gồm tổ chức họp báo)	7990
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng nhà không để ở	4102
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình điện	4221
36.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
37.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
39.	Phá dỡ (loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
40.	Chuẩn bị mặt bằng (loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
43.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí; Trừ hoạt động đấu giá)	4773

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐĂNG SƠN	Việt Nam	Thôn Bọt Xuyên, Xã Bọt Xuyên, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	5,000	001076020625	
2	NGUYỄN THỊ VÂN	Việt Nam	Thôn Bọt Xuyên, Xã Bọt Xuyên, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	7.600.000.000	95,000	001184007950	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184007950

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bọt Xuyên, Xã Bọt Xuyên, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bọt Xuyên, Xã Bọt Xuyên, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội